

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/4/2020

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Bùi Văn Quyết;

2. Ông: Bùi Văn Tấn

- Thư ký ghi biên bản phiên toà bà: Hoàng Thị Khánh Linh - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà ông Bùi Mạnh Tuấn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX-ST ngày 09/03/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QDDST-DS ngày 24/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị Th, sinh năm 1988. Địa chỉ: xóm Tre, xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

- Bị đơn: anh Bùi Văn Nh, sinh năm 1985. Địa chỉ: xóm Tre, xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Bùi Văn Nh kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Miền Đồi. Sau đó, tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc yêu thương nhau. Đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Nh gia trưởng, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình vợ con, mỗi lần uống rượu anh Nh lại đánh đập chửi bới chị Th. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh Nh không thay đổi khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th đề nghị được ly hôn với anh Bùi Văn Nh.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/12/2007 và cháu Bùi Thanh B, sinh ngày 17/8/2011. Kể từ khi ly thân đến khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, cả hai cháu ở với ông bà nội. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Th đã đón hai cháu về ở cùng. Vợ chồng ly hôn chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc cả hai con chung và chưa yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị Th cho biết: Kể từ khi ly thân đến khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, cả hai cháu ở với ông bà nội. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Th đã đón hai cháu về ở cùng. Chị Th vẫn giữ nguyên đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả hai con chung. Ngoài ra, chị Th đề nghị anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn 1.000.000đ/tháng/cháu.

Tại đơn bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Bùi Văn Nh trình bày:

Về tình cảm: anh và chị Bùi Thị Th kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Miền Đồi. Sau đó, tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc yêu thương nhau. Đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do thỉnh thoảng anh Nh uống rượu, không kiềm chế được bản thân nên anh có đánh đập chửi bới chị Th. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh Nh không thay đổi khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019. Đến nay, anh Nh vẫn còn tình cảm và yêu thương chị Th nên chị Th đề nghị ly hôn anh Nh không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/12/2007 và cháu Bùi Thanh B, sinh ngày 17/8/2011. Vợ chồng nếu phải ly hôn anh Nh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc cả hai con chung. Hiện nay, anh Nh đang làm lái xe tải tại Bình Dương với mức lương hàng tháng là 12.000.000đ nên anh Nh đủ điều kiện để nuôi cả hai con nên chưa yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về công nợ chung: Không có

Tại phiên tòa anh Nh cho biết: Kể từ khi ly thân đến khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, cả hai con chung của anh chị ở với ông bà nội. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Th đã đón hai cháu về ở cùng. Hiện nay anh đang lái xe tải tại Bình Dương, không có thời gian trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên anh Th đồng ý để cả hai con chung cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn 1.000.000đ/tháng/01 con chung.

**** Tại biên bản xác minh ngày ngày 03/03/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Bùi Văn Nh và chị Bùi Thị Th có nội dung:***

Anh Bùi Văn Nh và chị Bùi Thị Th kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Miền Đồi. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2007 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột đôi khi anh Nh uống rượu, không kiềm chế được bản thân đã đánh đập, chửi mắng chị Th khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Đầu tháng 02/2020, anh Nh đã bị xử phạt hành chính vì có hành vi dùng dao đe dọa chị Th. Hai vợ chồng li thân từ đầu năm 2019, khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Nh và chị Th có 02 con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh Nh (con gái) sinh ngày 18/12/2007 và cháu Bùi Thanh B (con trai), sinh ngày 17/8/2011. Kể từ khi vợ chồng ly thân, cả hai cháu đang ở với ông bà nội.

Về điều kiện nuôi con của chị Th và anh Nh: Hai vợ chồng đều có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định. Anh Nh hiện nay đang làm công việc lái xe, chị Th hiện nay đang làm nhân viên của Công ty viễn thông Viettel tại Lạc Sơn. Do đó, xét về chỗ ở, thu nhập của chị Th và anh Nh là ngang nhau.

****Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: xác định mâu thuẫn giữa chị Th và anh Nh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể: Giao cả hai con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh Nh và cháu Bùi Thanh B cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn 1.000.000đ/tháng/01 con chung.

- Về tài sản chung, chị Th đề nghị tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không đề cập giải quyết trong vụ án.

- Về công nợ chung: Không có.

- Về án phí: chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh Bùi Văn Nh có hộ khẩu thường trú tại xóm Tre, xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Chị Th và anh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Nh được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Th và anh Nh và không có hạnh phúc; hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột đôi khi anh Nh uống rượu, không kiềm chế được bản thân đã đánh đập, chửi mắng chị Th khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hòa.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh Nh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về quan hệ con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Thanh B và cháu Quỳnh Nh có nguyện vọng ở với chị Th khi bố mẹ ly hôn. Chị Th và anh Nh đều có yêu cầu được nhận nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Nh và chị Th thỏa thuận giao cả hai con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh Nh và cháu Bùi Thanh B cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy việc sự thỏa thuận giao hai con chung cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận đó.

[4]. Việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh Nh và chị Th đã thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000đ/tháng/01 con chung. Xét thấy việc thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận đó. Theo đó, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự: Anh Nh cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn 1.000.000đ/tháng/01 con chung. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án (21/4/2020).

[5]. Về tài sản chung: Chị Th và anh Nh không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về công nợ chung: Không có

[7]. Về án phí: chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 , 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 38, 35, 39, 147, 227, 233, 235, 264, 266, 267, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Bùi Văn Nh.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao 02 con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/12/2007 và Bùi Thanh B (con trai), sinh ngày 17/8/2011 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 04/2020 cho đến con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/01 con chung. Tổng cộng số tiền anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th là 2.000.000đ/01 tháng/02 con chung. Thời hạn bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày 21/4/2020 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Chị Th, anh Nh không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về công nợ: Không có, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

6. Về án phí:

- Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002872 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Chị Bùi Thị Th đã nộp đủ án phí.

- Anh Bùi Văn Nh phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Nh được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND huyện Lạc Sơn;*
- *CCTHA huyện Lạc Sơn;*
- *UBND xã Miền Đồi;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa